



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH  
**TẠP CHÍ KHOA HỌC**

KHOA HỌC GIÁO DỤC  
Tập 16, Số 1 (2019): 187-200

Email: [tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn](mailto:tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn); Website: <http://tckh.hcmue.edu.vn>

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION  
**JOURNAL OF SCIENCE**

EDUCATION SCIENCE  
Vol. 16, No. 1 (2019): 187-200

## MÔ HÌNH VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOÀI CÔNG LẬP Ở SINGAPORE

*Phạm Thị Hương*

*Viện Nghiên cứu Giáo dục – Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*

*Tác giả liên hệ: Email: [huong.pham@ier.edu.vn](mailto:huong.pham@ier.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 28-02-2018; ngày nhận bài sửa: 04-01-2019; ngày duyệt đăng: 17-01-2019*

### TÓM TẮT

*Dù đã ra đời hơn 20 năm, giáo dục đại học ngoài công lập ở Việt Nam chỉ mới được tranh luận trên các diễn đàn những năm gần đây. Bài viết nhằm mục đích nghiên cứu cơ sở lý luận về mô hình trường đại học ngoài công lập ở một số nước, cụ thể trong bài này là ở Singapore, sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu. Bài viết đóng góp vào hiểu biết chung về xu thế phát triển đại học ngoài công lập ở Singapore, từ đó rút ra các bài học cho Việt Nam trong việc xây dựng các chính sách quản lý của nhà nước và các giải pháp cho sự phát triển bền vững của đại học ngoài công lập tại Việt Nam.*

**Từ khóa:** mô hình, đại học ngoài công lập, giáo dục đại học xuyên biên giới, Singapore.

### 1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học (GDĐH) ngoài công lập (NCL) ngày càng thu hút sự quan tâm của nhiều bên có liên quan như chính phủ của các nước, các nhà làm chính sách, người học, người dạy, nhà tuyển dụng, bản thân các trường đại học NCL... và ngày càng tăng trưởng về quy mô. Ở nhiều nước trên thế giới, GDĐH NCL có truyền thống lâu đời như Nhật, Indonesia, Philippines và hầu hết sinh viên của những nước này học tại các trường NCL. Việt Nam là một trong số các quốc gia cho phép giáo dục NCL hoạt động gần đây từ mô hình trường đại học dân lập được phép hoạt động vào năm 1988. Trong vòng 20 năm qua, GDĐH NCL là một trong những mô hình phát triển nhanh nhất của GDĐH. Chính phủ ở các nước châu Á đã khuyến khích mô hình NCL tham gia vào GDĐH và GDĐH NCL cũng phát triển đáng kể hơn ở châu so ở các khu vực khác trên thế giới với trên 40% sinh viên học tại các trường tư (Levy, 2010). Ở Việt Nam, con số này là 15% vào năm 2011 (UNESCO, 2014).

Ở Việt Nam, chính sách xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là GDĐH là một chủ trương lớn của Nhà nước. Xã hội hóa giáo dục có liên quan tới vấn đề tư nhân tham gia vào hoạt động giáo dục (đại học tư), liên quan tới vấn đề tăng cường sự giám sát của xã hội đối với chất lượng giáo dục (kiểm định chất lượng), liên quan tới sự tham gia của các bên liên quan trong việc định hướng và giám sát hoạt động của nhà trường (hội đồng trường). Trên thực tế, nhiều trường đại học Việt Nam đang gặp khó khăn

rất lớn về vấn đề tài chính, tiền ngân sách chi cho các trường không đủ để trường duy trì hoạt động và các trường hầu hết thiếu sự hỗ trợ của Nhà nước để phát triển bền vững.

Bài viết nhằm tìm hiểu và phân tích các mô hình và xu hướng phát triển GDĐH NCL ở Singapore, một nước trong khu vực châu Á có uy tín về mặt chất lượng giáo dục và sự đa dạng của hệ thống GDĐH NCL. Từ đó đề xuất chính sách quản lý và phát triển các trường đại học NCL trên cơ sở tham khảo mô hình và xu hướng phát triển đại học NCL của Singapore. Trong giới hạn của đề tài, bài viết tập trung phân tích mô hình GDĐH NCL Singapore ở các khía cạnh sau: (a) Hệ thống GDĐH NCL Singapore, (b) Quy định luật pháp và chính sách về giáo dục NCL, (c) Thực trạng hoạt động và xu thế phát triển của các trường đại học NCL về đội ngũ, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, và chi phí, (d) Các khó khăn và thách thức của các trường đại học NCL, và (e) Các quy định về trường đại học NCL vì lợi nhuận hay không vì lợi nhuận.

## 2. Cơ sở lý luận

- *Xu thế phát triển của các trường NCL*

Rất nhiều tác giả nghiên cứu về sự phát triển của GDĐH NCL trên thế giới đã xác định các mô hình phát triển dựa trên các cách phân loại khác nhau.

Thứ nhất là phân loại theo đối tượng. Theo Levy (1986), có ít nhất bốn loại trường ĐH NCL ở châu Á: (a) theo định hướng tôn giáo/ văn hóa, (b) ưu tú / bán ưu tú, (c) đáp ứng nhu cầu / không ưu tú, và (d) đáp ứng nhu cầu cấp thiết. Các loại trường này rất khác nhau về mặt tài chính, quản trị và chức năng (Levy, 2009). Chúng cũng đáp ứng các nhu cầu "khác nhau" (cho trường theo định hướng tôn giáo), "tốt hơn" (cho trường ưu tú và bán ưu tú), và "nhiều hơn" (cho trường loại đáp ứng nhu cầu và nhu cầu cấp thiết) trong GDĐH (Pachuashvili, 2006).

Thứ hai là phân loại theo loại hình sở hữu: Thế giới chia làm hai loại trường đại học NCL không vì lợi nhuận (không có cổ đông/ không có chủ sở hữu) và đại học vì lợi nhuận (có cổ đông, có chủ sở hữu). Các đại học tư thành lập tại Mỹ từ thời kì đầu chủ yếu là không vì lợi nhuận, không có sở hữu; mọi lợi nhuận (nếu có) sẽ tái đầu tư cho trường. Đây chủ yếu cũng là các trường tinh hoa, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực và nặng về đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học. Các đại học NCL vì lợi nhuận có chia lãi cho cổ đông và thường hướng đến mô hình đào tạo cho số đông (loại hình "demand-absorbing"). Các trường thuộc nhóm bán tinh hoa (semi-elite) có thể là không vì lợi nhuận hay vì lợi nhuận tùy từng trường hợp cụ thể.

Thứ ba là phân loại theo sự công nhận của chính phủ. Một số tác giả phân chia GDĐH NCL thành hai loại trường: Được và không được cấp bằng/chứng nhận/kiểm định (Cao, 2008) và chúng trải qua sự phát triển đặc biệt để bổ sung cho GDĐH công lập như đã chứng kiến đối với sự phát triển ĐH NCL ở nhiều quốc gia khác (Kwiek & Szamorzewskiego, 2008; Slantcheva & Levy, 2007, trích dẫn trong Cao & Li, 2014). Ở Hoa Kỳ, cho dù là đại học công lập hay NCL, việc được công nhận thông qua kiểm định là

cách để đánh giá chất lượng và phân loại mô hình các trường ĐH NCL. Ngoài ra, ở Việt Nam theo Nghị định 73/2015/NĐ-CP về phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở GDĐH, các trường đại học ở Việt Nam được phân thành ba tầng: cơ sở GDĐH định hướng nghiên cứu; cơ sở GDĐH định hướng ứng dụng và cơ sở GDĐH định hướng thực hành (Khoản 1, Điều 2).

- *Vấn đề chất lượng và vì lợi nhuận*

Vấn đề chất lượng và lợi nhuận đã trở thành chủ đề tranh cãi khá gay gắt của xã hội khi bàn về các mô hình đại học NCL. Có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này. Bản chất của các trường đại học, theo Olukoshi, “nằm ở chỗ thúc đẩy các mục tiêu phát triển xã hội và cộng đồng chứ không phải để thu lợi” (trích trong Havergal, 2015). Olukoshi cho rằng sứ mạng này của các trường đại học, dù là công lập hay NCL, sẽ giúp cho GDĐH thực hiện vai trò của mình trong tiến trình toàn cầu hóa và phát triển các công dân toàn cầu mà chúng ta đang cố xúy trong thời đại hiện nay.

Tuy nhiên, các trường đại học NCL vốn được xem là có chất lượng thấp. Ngay cả ở các trường đại học công lập, chính phủ cũng khó có thể kiểm soát hoàn toàn chất lượng của các trường khi nguồn lực dành cho các trường công ngày càng thu hẹp. Ở các trường đại học NCL, các nhà nghiên cứu cũng nghi ngờ rằng các trường này, với bản chất tập trung vào lợi ích của cá nhân người học hơn là phát triển xã hội, và do đó, khó có thể thực hiện hiệu quả vai trò của GDĐH đối với thế giới.

Các nghiên cứu cho thấy hệ thống GDĐH NCL có những yếu tố tích cực, bao gồm: đa dạng hóa các hình thức, loại hình và các loại trường đại học; giải quyết vấn đề thiếu hụt kinh phí và đầu tư cơ sở vật chất của các chính phủ dành cho GDĐH; đáp ứng nhu cầu tiếp cận GDĐH của các tầng lớp nhân dân và nhu cầu đa dạng của nhiều dạng người học khác nhau trong nền kinh tế thị trường; nâng cao chất lượng GDĐH ở khu vực công bằng cách tạo ra sự cạnh tranh khi xuất hiện các trường đại học NCL; thay đổi phương thức quản lý để có được sự linh hoạt và hiệu quả hơn, tiết kiệm chi phí và qua đó, giảm thiểu tính quan liêu hành chính, tạo ra các mô hình quản lý đại học khác nhau; đóng góp vào sự phát triển của khoa học quản lý giáo dục và khuyến khích các sáng kiến cũng như các ý tưởng mới, sáng tạo; tạo ra doanh thu đáng kể cho nền kinh tế từ thị trường giáo dục. Đặc biệt là ở các nước phát triển, doanh thu từ GDĐH lên đến 20-30%.

Cho đến đầu thế kỉ XXI, ở các nước phát triển, trong hệ thống các trường đại học NCL, chất lượng giáo dục được đánh giá rất khác nhau. Có những trường đạt đỉnh cao của chất lượng, nổi tiếng và có uy tín cao và có nhiều trường chỉ tập trung vào việc 'bán bằng', không đảm bảo sản phẩm đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và nhu cầu cá nhân (Coulson, 1999). Tuy nhiên, sự hiện diện của các trường NCL luôn được đánh giá là có ý nghĩa tích cực. Coulson đã tiến hành nghiên cứu so sánh giáo dục của nhiều nước qua nhiều thời kì kinh tế khác nhau và đưa ra kết luận là: các hệ thống giáo dục có tính cạnh tranh luôn thể hiện tính ưu việt của mình hơn là hệ thống GDĐH công thuần túy. Nhiều

nhà nghiên cứu cho rằng vấn đề quan trọng không phải là công lập hay NCL, mà là chất lượng và hiệu quả đối với sự phát triển của xã hội và cá nhân. Đối với các trường đại học NCL, vấn đề nằm ở chỗ vì lợi nhuận hay không vì lợi nhuận nhiều hơn là vấn đề sở hữu.

### **3. Mô hình và xu hướng phát triển trường đại học NCL ở Singapore**

#### **3.1. Hệ thống GDDH NCL**

Chính phủ Singapore là người cung cấp chính giáo dục tiểu học, trung học và đại học. Trong trường hợp giáo dục không chính quy, các khu vực NCL đóng vai trò bổ trợ, đào tạo các lớp học giáo dục thường xuyên và các ngành kinh doanh, máy tính, ngôn ngữ, nghệ thuật.

Sự tăng trưởng nhanh chóng của khu vực giáo dục NCL được thúc đẩy bởi nhu cầu về học tập suốt đời và nâng cấp kiến thức và kỹ năng. Các tổ chức giáo dục NCL giúp đỡ phát triển nguồn nhân lực, tạo cơ hội cho người Singapore, những người muốn nâng cao kỹ năng của họ, góp phần vào sự phát triển tài năng của Singapore, hỗ trợ nền kinh tế của Singapore, và củng cố vị trí của Singapore như một trung tâm giáo dục toàn cầu. Họ phục vụ nhu cầu địa phương và phục vụ cho một số lượng lớn và ngày càng tăng sinh viên quốc tế muốn học tại Singapore. Có hơn 1200 tổ chức giáo dục NCL trong và ngoài nước tại Singapore, trong đó có 30 trường tiên-đại học, tuyển sinh hơn 100.000 sinh viên (EDB, 2012).

Giáo dục NCL ở Singapore rất đa dạng và phong phú, bao gồm cả các chương trình cấp bằng và không cấp bằng. Bài viết này chỉ tập trung phân tích GDDH NCL có cấp bằng ở Singapore. GDDH NCL ở Singapore, về cơ bản, phát triển theo ba mô hình:

- Đại học tư được chính phủ tài trợ;
- Đại học tư không nhận tài trợ của chính phủ;
- Các cơ sở đại học nước ngoài.

- ***Phân loại theo sự tài trợ của chính phủ***

- + *GDDH NCL địa phương do nhà nước tài trợ*

Đại học NCL nhận tài trợ của chính phủ bao gồm: Viện Quản trị Singapore (UniSIM) và hai viện nghệ thuật. UniSIM là một trường NCL đào tạo bán thời gian được nhà nước trợ cấp dành cho học viên người lớn và những người đang làm việc, áp dụng phương pháp học tập linh hoạt, cho phép học viên cân bằng sự nghiệp, gia đình và việc học. UniSIM là một trong hai trường đại học do Chính phủ lựa chọn để đào tạo theo mô hình ứng dụng. Hai viện nghệ thuật: LASALLE College of the Arts và Nanyang Academy of Fine Arts (NAFA) là hai trường NCL đáng chú ý đào tạo sau trung học trong nghệ thuật. Hai trường này là các tổ chức nghệ thuật phi lợi nhuận, hoạt động độc lập với sự hỗ trợ tài chính từ Bộ Giáo dục (GD), với các hình thức tài trợ tương tự như các trường kỹ thuật bách khoa cho các chương trình cấp bằng tương ứng.

+ *Đại học NCL không nhận tài trợ của chính phủ*

Có hai cơ sở giáo dục không thuộc quản lý của Bộ Giáo dục nhưng thuộc quản lý của các cơ quan ngang Bộ khác. Thứ nhất là học viện Xây dựng (BCA Academy) – cơ sở đào tạo giáo dục và nghiên cứu của Bộ Xây dựng Singapore – đào tạo các chương trình cao đẳng toàn thời gian, cũng như các khóa học, hội thảo và buổi tập huấn trong xây dựng, thiết kế và kỹ thuật. Thứ hai là học viện Hàng không Singapore (SAA) – Cơ sở đào tạo của Cơ quan Hàng không dân dụng Singapore – đào tạo các khóa học ngắn hạn, văn bằng, bằng cấp và chương trình điều hành liên quan đến ngành công nghiệp hàng không. Đây là các trường đào tạo chương trình cử nhân và cao đẳng có liên quan đến các ngành công nghiệp cụ thể. Các cơ sở giáo dục và các chương trình của họ không nhận tài trợ hay chịu sự quản lý của Bộ Giáo dục.

Ngoài hai cơ sở giáo dục này, nhiều tổ chức giáo dục NCL khác không nhận được sự tài trợ của chính phủ.

+ *GDDH xuyên quốc gia:*

GDDH xuyên quốc gia của Singapore bao gồm: một số chi nhánh các trường đại học nước ngoài và các đối tác địa phương hợp tác với các trường đại học nước ngoài đào tạo các chương trình học khác nhau hoặc và liên kết thông qua quan hệ đối tác với các trường đại học ở nước ngoài.

Theo Global Education Digest 2010 của UNESCO, trong năm 2008 đã có khoảng 200.000 sinh viên vào đại học ở Singapore, khoảng 61% trong số đó đang học trong khu vực NCL. Vào năm 2011, số lượng sinh viên Singapore theo học các chương trình cấp bằng ước tính là 100.000 (Cheng, 2013).

• *Phân loại theo tầng*

Đại học NCL ở Singapore còn có thể phân loại theo tầng. Theo Tan (2010), chính phủ Singapore đặt mục tiêu đa dạng GDDH thông qua một “hệ thống các trường đại học theo tầng” cho phép đào tạo đại học và sau đại học cho sinh viên trong nước và quốc tế. Theo tầng thì các trường đại học NCL có thể ở bất cứ tầng nào. Hệ thống này bao gồm ba tầng: các trường đại học đẳng cấp thế giới (WCU), các trường đại học địa phương, và các trường đại học NCL (Ministry of Trade and Industry, 2002b).

+ *Các trường đại học đẳng cấp thế giới*

Các trường đại học đẳng cấp thế giới là trường đại học hàng đầu trên thế giới thành lập các trung tâm xuất sắc tại Singapore để dẫn đầu nghiên cứu và phát triển (R&D) đẳng cấp thế giới, chuyên giao kiến thức cho ngành công nghiệp, và giúp Singapore trở thành một trung tâm giáo dục hàng đầu. Chính phủ đặt mục tiêu thu hút khoảng 10 trường đại học đẳng cấp thế giới và khoảng 1000 đến 3000 sinh viên tài năng hàng đầu thế giới tại Singapore.

Từ năm 2002, các trường đại học đẳng cấp thế giới khác nhau đã thành lập các trung tâm tại Singapore. Mười tổ chức nước ngoài đã thành lập chi nhánh tại Singapore theo

sáng kiến Ngôi nhà toàn cầu của Ban Phát triển kinh tế, mở rộng các dịch vụ của chương trình học thuật chất lượng cao. Tổng cục Du lịch Singapore cũng đã tổ chức quảng cáo biểu diễn lưu động tại hơn 30 thành phố trong khu vực trong hai năm qua để tiếp thị giáo dục Singapore (Ho, 2007).

Chính phủ Singapore tiếp tục thu hút các thương hiệu nước ngoài thành lập văn phòng ở Singapore. Vào năm 2007, mục tiêu bao gồm: Trường Đại học Nghệ thuật Tisch của Đại học New York, và Trường Đại học Stanford (Ho, 2007)

+ *Các trường trong nước*

Đối với các trường đại học địa phương, nhiệm vụ chính của họ là để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cốt lõi của Singapore và đào tạo như là một lợi ích công. Trong nhóm này có ba trường NCL của Singapore.

+ *Các trường NCL khác*

Nhóm thứ ba bao gồm các trường đại học NCL khác, có thể là của nước ngoài hay của các tổ chức trong nước. Họ có thể có trường của họ và hoạt động độc lập hoặc phối hợp với các đối tác trong nước, và sẽ hoạt động theo nguyên tắc thị trường. Điều này có nghĩa là họ tự do thiết lập tỉ lệ học sinh quốc tế – trong nước và lệ phí. Chính phủ Singapore ước tính rằng phân khúc này có tiềm năng thu hút đến một nửa trong số 100.000 học sinh quốc tế theo dự kiến (Ministry of Trade and Industry, 2002a).

### 3.2. *GDDH xuyên quốc gia*

Singapore là một trong những thị trường lớn nhất cho GDDH xuyên quốc gia trên thế giới, và là một thị trường đặc biệt quan trọng đối với các trường đại học Úc và Anh (Garrett, 2005).

Singapore ghi danh 86.000 sinh viên quốc tế trong năm 2007 (EnterpriseOne, 2009). Từ những tiềm năng kinh tế to lớn, Singapore đã tuyên bố ý định của họ để trở thành trung tâm giáo dục ở khu vực Đông Nam Thái Bình Dương (EDB, 2003; Mara, 2001). Singapore đã thay đổi chính sách giáo dục. Từ mục tiêu ban đầu của việc giới thiệu các chương trình giáo dục NCL quốc tế là nhằm bổ sung hạn chế của các trường công địa phương sang mục tiêu sử dụng giáo dục NCL như một ngành công nghiệp có thu mà có thể ảnh hưởng toàn ngành giáo dục, đặc biệt là giáo dục xuyên biên giới.

Như vậy, có thể thấy GDDH xuyên quốc gia tại Singapore phát triển dưới hai hình thức là cơ sở nước ngoài tại Singapore hoặc liên kết với các trường công lập và NCL hàng đầu tại Singapore. Có hai loại “giáo dục xuyên quốc gia” chính ở Singapore: chương trình giáo dục từ xa “bên ngoài”; và thứ hai, chi nhánh đại học nước ngoài (Ziguras, 2003).

Với chương trình giáo dục từ xa bên ngoài, khoảng 55% sinh viên của các chương trình cấp bằng bên ngoài chủ yếu là ghi danh với các tổ chức của Anh, trong khi khoảng 44% là với các tổ chức của Úc vào năm 1998. Những trường chiếm được thị trường lớn nhất là Đại học Mở UK, Đại học London, Đại học RMIT, Đại học Monash và Đại học Curtin (Ziguras, 2003). Chương trình đào tạo từ xa không phải là độc quyền của các trường

đại học ở nước ngoài mà còn được cung cấp bởi các trường NCL khác như các hiệp hội nghề nghiệp: Viện Marketing Singapore, Viện Tài chính Ngân hàng và Hiệp hội Y tá Singapore, các trường cao đẳng NCL như TMC Education Group, và các tổ chức nước ngoài hoạt động ở Singapore như Hội đồng Anh và IDP Education Úc.

Như vậy, các chương trình GDDH xuyên quốc gia Singapore đóng một vai trò rất quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu giáo dục của sinh viên trong nước và ở nước ngoài. Điều này đặc biệt đúng khi năng lực của Singapore không đủ mạnh để gắn kết tất cả các chương trình GDDH của chỉ các trường đại học/ viện công lập. Các chương trình GDDH xuyên quốc gia đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ quốc đảo này đạt được mục tiêu chính sách về mở rộng tuyển sinh đại học và đa dạng các lựa chọn đáp ứng nhu cầu giáo dục của sinh viên (Ziguras, 2003).

Mô hình thứ hai là các cơ sở đại học nước ngoài tại Singapore. Kể từ giữa những năm 1990, Chính phủ Singapore đã có chiến thuật và chiến lược mời các trường đại học nước ngoài “đăng cấp thế giới” và “uy tín thành lập các cơ sở ở châu Á tại Singapore.

Cách tiếp cận này bắt đầu vào năm 2000 với việc thành lập hai trường đại học nước ngoài tại Singapore, cụ thể là INSEAD và Chicago Graduate School of Business của Đại học Chicago (McNulty, 2000). Trường INSEAD Asia cung cấp đầy đủ các dịch vụ và hoạt động như tại châu Âu (Fontainebleau). Trường Chicago Graduate School of Business được thành lập vào tháng 9 năm 2000, là trường kinh doanh đầu tiên thành lập các cơ sở tại châu Á, châu Âu và Mỹ. Sau đó một số trường khác cũng đã được thành lập tại Singapore.

### 3.3. Chính sách về giáo dục NCL

#### • Quy định và luật về GDDH NCL

Năm 1991, Bộ Thương mại và Công nghiệp Singapore giới thiệu chính sách quốc tế hóa giáo dục thông qua Kế hoạch kinh tế chiến lược, xác định Singapore cần phải tăng cường các “nguồn nhân lực” hiện hữu và chuyển nhà nước này thành “thành phố toàn cầu”. Một chính sách quan trọng được đưa ra để đạt được mục đích này là cho phép Singapore tự phát triển bản thân thành một trung tâm học tập quốc tế (Gopinathan, 1997).

Năm 2002, kế hoạch chi tiết về “Ngôi nhà giáo dục toàn cầu” đã được khởi xướng để nâng cao hơn nữa khát vọng của Singapore hướng tới trở thành một trung tâm giáo dục, mời các trường đại học nước ngoài có uy tín thiết lập chi nhánh tại Singapore; tiếp thị Singapore là một thành phố sôi động và có tính quốc tế cho giáo dục ở nước ngoài; tuyển dụng sinh viên tài năng từ các nước láng giềng; và mở ra một không gian cho khu vực NCL để cung cấp các chương trình học quốc tế và xuyên quốc gia như một cách để đa dạng hóa (và “toàn cầu hóa”) GDDH (Cheng, 2013). Theo chương trình, đến năm 2012, Singapore hi vọng sẽ thu hút 150.000 sinh viên nước ngoài, con số này sẽ gần gấp ba lần tổng số sinh viên năm 2002 (Underhill, 2006).

Tháng 9-2009, Quốc hội Singapore đã thông qua Luật Giáo dục NCL nhằm tăng cường khung pháp lý cho lĩnh vực giáo dục NCL, khu vực phát triển nhanh chóng song

song với khu vực công. Theo Luật Giáo dục NCL, Bộ Giáo dục đã thành lập một Hội đồng quản trị độc lập, Hội đồng giáo dục NCL, với các quyền lập pháp để thực hiện và thi hành khung pháp lí mới.

- **Cơ chế đảm bảo chất lượng GDDH NCL**

- + *Cơ chế Đảm bảo chất lượng GDDH NCL trong nước*

Hiện tại, cơ chế Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của GDDH NCL và công lập ở Singapore là khác nhau.

Điểm đặc biệt ở Singapore là các hệ thống đảm bảo chất lượng của các đơn vị cung cấp dịch vụ giáo dục NCL được phát triển không theo khung chính sách giáo dục mà theo khung chính sách công nghiệp. Spring Singapore, một tổ chức đảm bảo chất lượng cho ngành công nghiệp, đang điều hành chương trình ĐBCL có tên Singapore Quality Class (SQC) cho các tổ chức giáo dục NCL, theo sáng kiến của Ban Phát triển kinh tế. SQC là chương trình ĐBCL cho các tổ chức công nghiệp nói chung, theo những mô hình như mô hình chất lượng quốc gia Baldrige tại Mỹ. Giao thức của nó thiên về định hướng đảm bảo hiệu quả quản lí tổ chức hơn là ĐBCL giáo dục. Cơ chế đánh giá dựa trên bảy khía cạnh: lãnh đạo, lập kế hoạch, thông tin, quy trình, con người, khách hàng và kết quả (CaseTrust, 2008). Đây là một hệ thống tự nguyện, nhưng tỉ lệ các trường tự tham gia cao, có thể là do một phần là nhờ nó mà quá trình xử lí thị thực cho sinh viên diễn ra nhanh chóng và một phần để cạnh tranh thúc đẩy một số cơ sở đào tạo đại học NCL tìm kiếm các tiêu chuẩn bổ sung chất lượng để phân biệt với các cơ sở đào tạo đại học NCL chất lượng thấp hơn (Lim, 2010).

Tuy nhiên, SQC không bảo vệ phúc lợi tài chính của sinh viên quốc tế đang theo học tại các cơ sở GDDH NCL (Lim, 2010). Kết quả là, chính phủ Singapore giới thiệu CaseTrust cho các tổ chức giáo dục NCL để bảo vệ sự đầu tư của sinh viên vào GDDH NCL nếu các trường phải đối mặt với khả năng phá sản. Tuy nhiên, hệ thống này không hoàn toàn bảo vệ quyền lợi học tập của sinh viên, cũng như không kêu gọi kiểm toán chất lượng học tập của các cơ sở đào tạo đại học NCL (Lim, 2010). Vì vậy, chính phủ Singapore đã thay CaseTrust bằng một mô hình khác là EduTrust. Sự phát triển của mô hình EduTrust lần đầu tiên được công bố vào năm 2008, dường như là một phương pháp kiểm định các trường ĐH NCL theo tiêu chuẩn học thuật.

Để kiểm soát tốt hơn chất lượng của các trường đại học liên kết nước ngoài, chính phủ Singapore đã đưa ra đề án EduPlus. Theo chương trình này, các tổ chức GDDH NCL được yêu cầu phải đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của chính phủ về các vấn đề liên quan đến các giảng viên, sinh viên, quản trị doanh nghiệp và hành chính.

- + *Cơ chế đảm bảo chất lượng của các chương trình nhập khẩu*

Theo quy định của Singapore, cơ chế đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của các chương trình nhập khẩu tuân thủ cơ chế của nước xuất khẩu giáo dục. Ví dụ, Cơ quan Chất lượng



trường đại học của Úc được thành lập vào năm 2000 đánh giá tất cả các trường đại học Úc, bao gồm các hoạt động ở nước ngoài của họ.

Khi ngày càng nhiều mô hình ĐBCL được phát triển và áp dụng trên thế giới, các trường đại học công của các nước xuất khẩu lớn phải đối mặt với sức ép từ chính phủ của họ về trách nhiệm. Kết quả là, nhiều trường đại học xuất khẩu chương trình bắt đầu giới thiệu các biện pháp quản lý chất lượng của họ cho các đối tác là các trường ĐH NCL.

### **3.4. Thực trạng hoạt động và xu thế phát triển của các trường đại học NCL**

#### **Chương trình đào tạo**

Dữ liệu gần đây nhất của Bộ Giáo dục trong năm 2009 cho thấy trong tất cả sinh viên toàn thời gian, khoảng 34% đang theo học tại các trường đại học, 47% trường cao đẳng, 16% tại Viện Giáo dục kỹ thuật, và 3% hai trường nghệ thuật. Trong số này, khoảng 30% được ghi danh vào các chương trình khoa học kỹ thuật, 20% quản trị kinh doanh, 15% công nghệ thông tin, 10% kỹ thuật ứng dụng, và 7,5% cho mỗi ngành khoa học nhân văn và khoa học xã hội, khoa học và y học. Đây là số liệu thống kê cho toàn hệ thống giáo dục của Singapore mà không có sự tách biệt ra giữa đại học công lập hay NCL.

Chưa có một phân tích chi tiết và đầy đủ về hệ thống GDDH NCL ở Singapore cũng như chương trình đào tạo của các trường đại học NCL. Tuy nhiên, theo Tan (2006), các chương trình chủ yếu của các trường đại học NCL bao gồm quản trị kinh doanh và công nghệ thông tin (Tan, 2006). Còn UniSIM là trường nổi tiếng trong đào tạo chương trình học bán thời gian có hợp tác chặt chẽ với các ngành công nghiệp, và vì vậy giáo dục của họ có “sự cân bằng tốt giữa lý thuyết và thực tế” (Yung, 2012).

#### **\* Chi phí**

Chi phí GDDH NCL ở Singapore cao so với hầu hết các công dân ASEAN khác. Ba mô hình trường NCL ở Singapore sẽ có ba mô hình chi phí tương ứng. Nếu được nhà nước tài trợ như UniSIM, chi phí học sẽ thấp hơn so với các trường hợp không được nhà nước tài trợ. Chi phí cũng có sự khác biệt giữa công dân Singapore, người dân cư trú dài hạn và sinh viên quốc tế.

#### **\* Cơ sở vật chất**

Không giống các mô hình ở các nước khác trên thế giới, chính phủ Singapore cung cấp kinh phí đáng kể cho một số các trường đại học NCL như Viện Quản trị Singapore (được thành lập bởi một nhóm các giám đốc điều hành quản lý cấp cao), Nanyang Academy of Fine Arts, và LaSalle Singapore Airlines College of the Arts (Tan, 2006) xây dựng cơ sở vật chất. Ngoài ra, chính phủ cung cấp hỗ trợ tài chính và cơ sở hạ tầng cho các tổ chức dân tộc NCL để khuyến khích họ thành lập các trường đại học (Tan, 2006). Đối với các cơ sở nước ngoài tại Singapore, họ cũng nhận được hỗ trợ của chính phủ Singapore. Chính phủ nhắm đến các nhà cung cấp dịch vụ cao cấp để liên kết với trường trong nước sử dụng ưu đãi như: giá đất giảm cho các cơ sở dạy học của trường, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, hội thảo, học bổng. Ngoài ra, để thu hút các tổ chức giáo

dục nước ngoài, chính phủ đã thông qua giá đất cạnh tranh cho GDDH. Khoảng 90 ha đất được dành cho mục đích này.

### 3.5. Thách thức

- **Nhận thức về chất lượng thấp**

Theo Cheng (2013), tại Singapore, học tập tại các trường đại học công lập được xem là con đường 'mong muốn' và 'an toàn' hướng tới một tương lai thành công. Điều này là do các trường đại học công lập trong nước nhận được nhiều tài trợ của Nhà nước, có một lịch sử lâu đời và tự hào với danh tiếng học thuật xuất sắc hơn so với các trường ĐH NCL. Trong khi đó, sinh viên theo học các cơ sở NCL thường được coi là có năng lực học tập yếu (yêu cầu đầu vào ít cạnh tranh), mặc dù có một nhóm GDDH NCL có uy tín được chính phủ Singapore mời tham gia như là một phần của dự án để trở thành một Ngôi nhà giáo dục toàn cầu. Các bạn trẻ thuộc tầng lớp trung lưu đang có xu hướng chọn học đại học tại các cơ sở NCL; việc này thường được xem là một trải nghiệm giáo dục 'hạng hai' khi so sánh với các trường đại học công lập địa phương. Theo Yeo và Ho (2014), GDDH NCL vẫn còn là một cụm từ "phân biệt" ở Singapore. Ngoài ra cũng có những tác động tương tự cho hệ thống phân cấp văn hóa như vậy lên các trường.

- **Những thách thức khác**

Trong khi Singapore thu hút ngày càng tăng một số lượng sinh viên nước ngoài mỗi năm, một trong những vấn đề nổi lên là tổ chức giáo dục của Singapore có thể không hoàn toàn đánh giá cao hoặc hiểu những khía cạnh khác nhau của thị trường đang phát triển này (Chia, 2011). Nhiều người trong số những sinh viên này có nguồn gốc từ các nước láng giềng Đông Nam Á, Đông Á, Nam Á, châu Phi, và Trung Đông. Càng ngày, các tổ chức GDDH NCL tại Singapore càng phải đối mặt với những thách thức chưa từng có trước: tuyển sinh tăng, giảm vốn, số lượng sinh viên nước ngoài mở rộng, nhu cầu của ngành công nghiệp thay đổi nhanh chóng và quy định của pháp luật đã dẫn đến sự cạnh tranh tăng giữa các tổ chức giáo dục (Chia, 2011). Vào năm 2010, có hơn 1000 tổ chức giáo dục NCL ở Singapore được phép nhận học sinh nước ngoài (the Straits Times, 2010, tr. B12).

### 3.6. Đại học không vì lợi nhuận và vì lợi nhuận

- **Các trường địa phương**

Các trường ĐH NCL được chính phủ tài trợ hầu hết là các trường phi lợi nhuận. Họ cần phải đăng ký trở thành thành viên của Tổ chức phục vụ cộng đồng (IPC). Tổ chức này là một tổ chức từ thiện được nhà nước công nhận. Trường được tổ chức này phát hành chứng từ khấu trừ thuế căn cứ vào số tiền đóng góp. Việc giảm thuế hiện hành là 250% số tiền quyên góp. Để hội đủ điều kiện trở thành một tổ chức phục vụ cộng đồng, các tổ chức từ thiện phải cam kết cống hiến phục vụ nhu cầu của cộng đồng ở Singapore và không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, hay tôn giáo.

- **Các trường nước ngoài**

Các cơ sở giáo dục nước ngoài tại Singapore không chịu trách nhiệm quản lý của chính phủ Singapore, ngoại trừ họ phải đủ điều kiện hoạt động theo quy định của chính

phủ. Họ dường như là các cơ sở đào tạo vì lợi nhuận và hoạt động theo cơ chế thị trường. Chỉ có một cơ sở nước ngoài là Embry–Riddle Asia thành lập ở Singapore năm 2011 được xem là trường phi lợi nhuận. Nó là cơ sở của trường Embry-Riddle Aeronautical University có trụ sở ở Mỹ, và vì vậy hoạt động theo mô hình của Mỹ.

#### 4. Bài học cho Việt Nam

Có ba mô hình cơ bản của các trường đại học NCL ở Singapore. Mô hình thứ nhất là các trường NCL được chính phủ tài trợ, và chúng là các trường đại học trong nước. Mô hình thứ hai là các trường đại học trong nước không được chính phủ tài trợ. Ba là GDDH nước ngoài ở Singapore, tạo thành hệ thống giáo dục xuyên biên giới ở đảo quốc này. Ở Việt Nam hiện đã có cả ba mô hình này nhưng chưa được hình thành rõ nét do thiếu các khung pháp lý cơ bản. Cả ba đều trong giai đoạn thử nghiệm. Nhà nước chỉ hỗ trợ các trường ĐH NCL rất ít về cơ sở hạ tầng và chưa có bất cứ trường ĐH NCL nào của Việt Nam được công nhận là không vì lợi nhuận. Sự đa dạng trong các mô hình phát triển GDDH NCL ở Singapore là vấn đề chính phủ Việt Nam có thể xem xét. Các trường NCL được chính phủ Singapore tài trợ đều là các trường đăng kí hoạt động không vì lợi nhuận. Điều này sẽ giúp tránh được các tranh luận giữa đầu tư công và sở hữu tư nhân. Chính sách nổi trội của Singapore là quốc tế hóa GDDH hay giáo dục xuyên biên giới. Đây cũng là xu hướng phát triển hiện nay của thế giới. Tuy nhiên, họ có nguồn lực và chính sách rất rõ ràng cùng với uy tín về chất lượng giáo dục đại học và môi trường đầu tư hơn hẳn Việt Nam. Trong vấn đề này, chính phủ Việt Nam cần xác định xu hướng quốc tế hóa phù hợp với tình hình của Việt Nam, từ đó có kế hoạch thực hiện khả thi.

Về mặt chính sách, ngôi nhà giáo dục toàn cầu và Luật Giáo dục NCL là hai chính sách chính tác động đến sự hình thành và phát triển của giáo dục NCL tại Singapore. Hội đồng giáo dục NCL là cơ quan nhà nước quản lí chính các vấn đề liên quan đến GDDH NCL ở Singapore, trong đó Khung đăng kí nâng cao và một hệ thống chứng nhận chất lượng EduTrust là hai cơ chế đảm bảo chất lượng GDDH NCL ở Singapore. Để kiểm soát tốt hơn chất lượng của các trường đại học liên kết nước ngoài, chính phủ Singapore đã đưa ra đề án EduPlus. Đối với cơ sở giáo dục nước ngoài không có sự can thiệp dưới mọi hình thức của Singapore, các cơ sở này tuân thủ cơ chế ĐBCL riêng của họ. Việt Nam thiếu vắng một khung pháp lý rõ ràng hỗ trợ sự phát triển bền vững của GDDH NCL cũng như chưa có biện pháp hiệu quả giám sát chất lượng. Singapore có hai hệ thống ĐBCL riêng cho GD công lập và NCL và của riêng các trường quốc tế. Hiện nay, Việt Nam chỉ có một hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục và mới bắt đầu được triển khai rộng rãi trong những năm gần đây. Tuy nhiên, tính hiệu quả của hệ thống này chưa được xã hội thừa nhận và cũng gây nhiều tranh luận trên các mạng truyền thông và báo chí ở Việt Nam trong thời gian vừa qua.

Dường như Singapore không đối mặt với những thách thức như với GDDH NCL ở các nước khác nơi mà giáo dục NCL phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu và nhu cầu cấp thiết của xã hội (loại 3 và loại 4 theo phân loại của Levy, 1986) mặc dù ở Singapore cũng có sự phân biệt giữa chất lượng trường đại học công lập và NCL. Điều này là nhờ chính sách của

Singapore trong việc hướng Singapore trở thành Ngôi nhà giáo dục toàn cầu, với đẳng cấp GDDH quốc tế và quốc tế hóa giáo dục. Mặt bằng chung về chất lượng giáo dục có lẽ là vấn đề lớn nhất hiện nay của Việt Nam khi Việt Nam không có một trường đại học nào lọt vào danh sách 350 trường đại học tốt nhất châu Á năm 2018 theo xếp hạng của Times Higher Education (THE) và GDDH NCL chủ yếu thuộc nhóm 3 và 4 theo phân loại của Levy (1986).

Đối với các đối tượng đủ điều kiện được hưởng trợ cấp của chính phủ, dù học ở trường công lập hay NCL (một số trường được chính phủ tài trợ) cũng sẽ được hưởng chế độ như nhau. Trường đại học NCL vì lợi nhuận hay không vì lợi nhuận là do bản thân mỗi trường quyết định. Nếu không vì lợi nhuận, họ sẽ đăng kí là thành viên của tổ chức phục vụ cộng đồng. Bản chất vì lợi nhuận hay không vì lợi nhuận của các chi nhánh giáo dục nước ngoài tại Singapore phụ thuộc vào chi nhánh chính của họ. Ở đây, có thể thấy Singapore xác định rõ ràng sự hỗ trợ của chính phủ cho cả GDDH NCL nếu cần thiết. Các nghiên cứu sâu hơn về các điều kiện này cũng có thể giúp Việt Nam đưa ra chính sách hợp lí đầu tư hoặc hỗ trợ cho GDDH NCL.

## 5. Kết luận

Bài viết tập trung phân tích mô hình phát triển giáo dục đại học ngoài công lập ở Singapore nhằm cung cấp cơ sở lí luận cho các nỗ lực cải cách GDDH Việt Nam, cụ thể là các chính sách liên quan đến GDDH ngoài công lập mà Singapore là một điển hình trong khu vực về mô hình phát triển, xu thế quốc tế hóa và chính sách hỗ trợ của chính phủ. Các nghiên cứu khác về mô hình phát triển giáo dục đại học ngoài công lập tại một số nước khác như Trung Quốc hay Malaysia, cùng với việc phân tích chính sách và thực trạng phát triển giáo dục đại học NCL tại Việt Nam là cần thiết để giúp các nhà hoạch định sách Việt Nam xây dựng và điều chỉnh chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của giáo dục đại học ngoài công lập ở Việt Nam.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cao, Y. (2008). *Private higher education and the labor market in china: institutional management efforts and initial employment outcomes*. PhD dissertation, State University of New York, Albany, NY, Educational Administration and Policy Studies.
- Cao, Y. & Li, X. (2014). Quality and quality assurance in Chinese private higher education: A multi-dimensional analysis and a proposed framework. *Quality Assurance in Education*, 22(1), 65-87.
- Cheng, Y. (2013). *Private Higher Education in Globalising Singapore: Tensions and Debates*. Available at <https://chengyien.wordpress.com/2013/02/23/private-higher-education-in-globalising-singapore-tensions-and-debates/>
- Chia, S. A. (2011). *A Study of the factors influencing students' selection of a private educational institution in Singapore and the marketing implications for the institution*. SIBR.
- Coulson, A. J. (1999). *Market education: The unknown history*. New Brunswick, NJ: Transaction Books.

- EDB. Singapore. (2012). *Education Industry: Facts and Figures*. Economic Development Board Homepage.
- EDB. Singapore. (2003). *Mark of excellence for private education providers*. Singapore Quality Class factsheets.
- EnterpriseOne, Singapore. (2009). *Private education recent education trends & future developments*. Singapore: the author.
- Garrett, R. (2005). The rise and fall of transnational higher education in Singapore. *International Higher Education, Spring*, 1-3.
- Gopinathan, S. (1997). Educational development in a strong-developmental state: The Singapore experience. In W. Cummings & N. McGinn (Eds.). *International handbook for development and education*, 587-605. New York: Garland Press.
- Havergal, C. (August, 2015). *African higher education must 'prioritise public mission over private gain'*. *The Times Higher Education*, Available at <https://www.timeshighereducation.com/news/african-higher-education-must-prioritise-public-mission-over-private-gain>
- Ho, A.L. (2007). *Singapore on track to be Global Schoolhouse*. The Straits Times, 24 March.
- Levy, D. C. (1986). *Higher education and the state in Latin America: Private challenges to public dominance*. Chicago: The University of Chicago Press.
- Levy, D. C. (2010). *East Asian private higher education: reality and policy*. Washington, D.C.: World Bank Flagship Project on East Asia
- Levy, D.C. (2009). For-profit versus nonprofit private higher education. *International Higher Education* (54). Doi: <https://doi.org/10.6017/ihe.2009.54.8414>.
- Lim, F.C.B. (2010). Do too many rights make a wrong? A qualitative study of the experiences of a sample of Malaysian and Singapore private higher education providers in transnational quality assurance. *Quality in Higher Education*, 16(3), 211-222.
- Mara, L. M. A. R. (2001). *Education development plan for Malaysia 2001-2010*. Available online at: [maranet.mara.gov.my/Perancangan\\_&\\_Dasar/EduDev2001-2010-ExecSummary.pdf](http://maranet.mara.gov.my/Perancangan_&_Dasar/EduDev2001-2010-ExecSummary.pdf) (Retrieved 14 March, 2016).
- McNulty, S. (2000). *Singapore aims to be centre of advanced academic excellence*. Financial Times, 23 August, p. 4.
- Min, S., Khoo, C.C. & Tan, B.L. (2012). CaseTrust Department, 2008. *CaseTrust for Education. Information and Application Kit*.
- Ministry of Trade and Industry (2002a). *Panel recommends global schoolhouse concept for motives, expectations, perceptions and satisfaction of international students pursuing private higher education in Singapore*.
- Ministry of Trade and Industry (2002b). *Executive summary – developing Singapore's education industry*. Singapore: the author.
- Mok, K.H. (2008). Singapore's global education hub ambitions. *International Journal of Educational Management*, 22(6), 527-546.
- Pachuashvili, M. (April, 2006). *The politics of educational choice: Explaining the diversity in post-communist higher education policy choices*. Paper presented at the First Annual Doctoral Conference, Central European University, Hungary.
- Tan, J. (2006). Singapore. In *Higher Education in South-East Asia*. Bangkok: UNESCO, SEAMEORIHED.

- Tan, P.T.N.C. (2010). The Singapore Global Schoolhouse: An analysis of the development of the tertiary education landscape in Singapore. *International Journal of Educational Management*, 24(3), 178-188.
- The Straits Times. (May, 2010). *Major Private Schools on Growth Path*.
- Underhill, W. (2006). *Sowing Seeds*. Newsweek, August 21/August 28, pp. 44-47
- UNESCO. (2010). *Global education digest 2010*. Canada: UNESCO-UIS.
- Yeo, A. & Ho, D. (2014). *Taking the stigma out of private tertiary education*. Available at <http://www.todayonline.com/commentary/taking-stigma-out-private-tertiary-education>.
- Yung, A. (2012). *Higher education participation rate to rise to 40% by 2020*. Available at: <http://www.universityworldnews.com/article.php?story=20120828165518283>.
- Ziguras, C. (2003). The impact of the GATS on transnational tertiary education: comparing experiences of New Zealand, Australia, Singapore and Malaysia. *The Australian Educational Researcher*, 30(3), 89-109.

## MODELS AND DEVELOPMENT TRENDS OF PRIVATE HIGHER EDUCATION SECTOR IN SINGAPORE

*Pham Thi Huong*

*Institute of Education Research – Ho Chi Minh City University of Education*

*Corresponding author: Email: huong.pham@ier.edu.vn*

*Received: 28/02/2018; Revised: 05/01/2019; Accepted: 17/01/2019*

### ABSTRACT

*Despite a history of more than 20 years in Vietnam, models of private universities have recently become the focus of public debate. This article aims to study the theoretical background of models and development of the private Higher Education sector in Singapore. It contributes to the knowledge of development trends of this sector in Singapore and offers recommendations for Vietnam in making government policies and strategies for the sustainable development of private universities.*

**Keywords:** models, private higher education, cross-border higher education, Singapore.

### CÁC SỐ TẠP CHÍ KHOA HỌC SẮP TỚI:

- Tập 16, Số 2 (2019): *Khoa học xã hội và nhân văn*
- Tập 16, Số 3 (2019): *Khoa học tự nhiên và công nghệ*
- Tập 16, Số 4 (2019): *Khoa học giáo dục*.

*Ban biên tập Tạp chí Khoa học rất mong nhận được sự trao đổi thông tin của các đơn vị bạn và được bạn đọc thường xuyên cộng tác bài vở, góp ý xây dựng.*